

**BỘ TƯ PHÁP - BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG -  
BỘ TÀI CHÍNH - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**BỘ TƯ PHÁP - BỘ CÔNG  
AN - BỘ QUỐC PHÒNG -  
BỘ TÀI CHÍNH - VIỆN  
KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN  
DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2007

Số: 10/2007/TTLT-BTP-  
BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-  
TANDTC

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**  
**hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp  
pháp lý trong hoạt động tố tụng**

Để thực hiện đúng và thống nhất các quy định của Luật trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề cụ thể như sau:

**I. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN  
TIỀN HÀNH TỔ TỤNG, TRẠI TẠM  
GIAM, NHÀ TẠM GIỮ, TRUNG  
TÂM, CHI NHÁNH CỦA TRUNG  
TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ  
NƯỚC (ĐIỀU 7 LUẬT TRỢ  
GIÚP PHÁP LÝ)**

**1. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà**

nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây gọi tắt là Trung tâm, Chi nhánh) có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ:

a1) Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý (người được trợ giúp pháp lý; quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý; địa chỉ, điện thoại liên hệ của Trung tâm, Chi nhánh);

a2) Mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý, Hợp tin trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật và các tài liệu pháp luật có liên quan về

trợ giúp pháp lý và phổ biến các quy định về trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu;

b) Thông báo danh sách Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư là cộng tác viên (sau đây gọi tắt là Luật sư cộng tác viên) của Trung tâm, Chi nhánh trong phạm vi địa phương kèm theo địa chỉ liên lạc để Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ có thể liên hệ trong trường hợp cần thiết;

c) Thông tin đầy đủ các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong trường hợp có sửa đổi, bổ sung cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý tại địa điểm tiếp dân ở trụ sở cơ quan mình;

b) Đặt Hộp tin trợ giúp pháp lý để cấp phát miễn phí tờ gấp pháp luật, mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý tại các địa điểm tiếp dân của cơ quan mình để nhân dân có thể tiếp cận khi cần;

c) Chủ động yêu cầu Trung tâm, Chi nhánh để phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý.

3. Trại tạm giam, Nhà tạm giữ có trách nhiệm niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý bên cạnh nơi đặt Nội quy của Trại tạm giam, Nhà tạm giữ và thực hiện các hoạt động được hướng dẫn tại các điểm b và c mục 2 Phần I này.

4. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành điều tra, truy tố và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án trước khi mở phiên tòa (người tiến hành tố tụng) có trách nhiệm:

a) Khi giải thích cho người đang bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và các đương sự khác biết về quyền và nghĩa vụ của họ theo pháp luật tố tụng thì giải thích cho họ về quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý;

Đối với trường hợp người bị bắt theo quyết định truy nã bị tạm giữ thuộc diện người được trợ giúp pháp lý thì Cơ quan điều tra có thẩm quyền nơi bắt được hoặc tiếp nhận người bị bắt có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn người bị bắt hoặc người thân thích của họ liên hệ với Trung tâm, Chi nhánh thuộc địa bàn

cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án để làm các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng.

b) Nếu phát hiện đương sự thuộc một trong các trường hợp được trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý (sau đây gọi tắt là Nghị định 07/2007/NĐ-CP) thì hướng dẫn họ hoặc người thân thích, người đại diện hợp pháp của họ về các thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý và cung cấp cho họ mẫu đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và địa chỉ liên lạc của Trung tâm, Chi nhánh;

c) Người đang bị tạm giữ, tạm giam được người tiến hành tố tụng, Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ có yêu cầu được trợ giúp pháp lý thì được hướng dẫn viết đơn đề nghị trợ giúp pháp lý và đơn của họ được các cá nhân, đơn vị này chuyển đến Trung tâm hoặc Chi nhánh nơi người được trợ giúp pháp lý yêu cầu hoặc tại địa bàn nơi đặt trụ sở của cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án hoặc nơi đặt Trại tạm giam, Nhà tạm giữ;

d) Việc giải thích cho người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và các đương sự khác về quyền được trợ giúp pháp lý phải được ghi trong biên bản tố tụng để lưu tại hồ sơ vụ án. Trong trường hợp những người này không có yêu cầu trợ giúp pháp lý hoặc từ chối thì người tiến hành tố tụng cũng ghi rõ trong biên bản.

5. Cơ quan Quốc phòng, cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức mình làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý để tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý. Việc tư vấn pháp luật phải phù hợp với quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của ngành đó.

## II. CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN THAM GIA TỔ TỤNG (ĐIỀU 39 LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ)

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; Thẩm phán Tòa án được phân công giải quyết

vụ án cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận tham gia tố tụng) cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên theo quy định tại Điều 39 Luật Trợ giúp pháp lý như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cử người tham gia tố tụng của Trung tâm, Chi nhánh (theo mẫu TP-TGPL-4A ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý), cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án thực hiện việc vào Sổ thụ lý và xem xét cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên;

Trong trường hợp Trung tâm hoặc Chi nhánh quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị tạm giữ thì Cơ quan điều tra cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho người được cử trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định cử người tham gia tố tụng của Trung tâm hoặc Chi nhánh;

b) Trong trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án từ chối cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên thì thông báo bằng văn bản cho Trung tâm hoặc Chi nhánh và nêu rõ lý do từ chối. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản từ chối cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng, Trung tâm hoặc Chi nhánh có trách nhiệm cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên khác thay thế. Trong trường hợp nếu có lý do chính đáng không đồng ý với việc từ chối của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thì Trung tâm hoặc Chi nhánh, Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên thì có quyền khiếu nại về việc từ chối theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng vẫn phải cử người thay thế ngay để bảo đảm việc thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Hiệu lực của giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, luật sư cộng tác viên:

a) Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng từ giai đoạn nào thì giấy chứng nhận tham gia tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng của giai đoạn đó cấp và có hiệu lực từ khi cấp cho đến khi kết thúc vụ án, kể cả trường hợp vụ án



cần điều tra bổ sung. Giấy chứng nhận tham gia tố tụng bị thu hồi khi có một trong các trường hợp sau:

a1) Người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý;

a2) Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên bị thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng;

a3) Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên bị thay đổi, không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

b) Trường hợp vụ án cần điều tra lại hoặc xét xử lại; tách, nhập vụ án nếu Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên không thuộc trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi thì họ vẫn tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trong trường hợp phục hồi điều tra vụ án thì phải cấp lại giấy chứng nhận tham gia tố tụng theo thủ tục chung quy định tại mục 1 Phần II này;

c) Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, việc cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên do Tòa án đang thụ lý vụ việc dân sự hoặc vụ án hành chính thực hiện và giấy

chứng nhận này có hiệu lực từ khi cấp đến khi kết thúc vụ án, trừ trường hợp Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên bị thay đổi, không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý thì người mới được thay thế sẽ được cấp giấy chứng nhận này theo thủ tục chung quy định tại mục 1 Phần II này.

3. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên được cấp giấy chứng nhận để tham gia tố tụng với tư cách sau đây:

a) Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Luật trợ giúp pháp lý với tư cách là người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo để thực hiện việc bào chữa; người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính;

b) Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng với tư cách: người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo để thực hiện việc bào chữa; người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

4. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư công tác viên được Trung tâm, Chi nhánh cử tham gia tố tụng có trách nhiệm trực tiếp đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án để nhận giấy chứng nhận tham gia tố tụng. Khi đến nhận giấy chứng nhận tham gia tố tụng, ngoài việc xuất trình quyết định cử người tham gia tố tụng của Trung tâm hoặc Chi nhánh, Trợ giúp viên pháp lý phải xuất trình thẻ Trợ giúp viên pháp lý; Luật sư công tác viên phải xuất trình thẻ Luật sư, thẻ Cộng tác viên.

5. Thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng:

a) Trợ giúp viên pháp lý bị thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng trong các trường hợp sau đây:

a1) Thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật trợ giúp pháp lý;

a2) Vi phạm nghĩa vụ của người bào chữa quy định tại các điểm d và e khoản 3 Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự;

a3) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP;

b) Luật sư công tác viên bị thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng trong các trường hợp sau đây:

b1) Thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật trợ giúp pháp lý, khoản 1 Điều 9 Luật luật sư;

b2) Bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật luật sư;

b3) Vi phạm nghĩa vụ của người bào chữa quy định tại các điểm d và e khoản 3 Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự.

c) Cơ quan tiến hành tố tụng đã cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư công tác viên có quyền thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng đó và thông báo ngay bằng văn bản cho Trung tâm hoặc Chi nhánh đã cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư công tác viên tham gia tố tụng để cử người khác thay thế (quyết định cử người khác thay thế theo mẫu TP-TGPL-4B ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành một số biểu mẫu dùng trong hoạt động trợ giúp pháp lý).

d) Nếu cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện ra việc một Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư công tác viên không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia ngay từ giai đoạn đầu thì cơ quan tiến hành tố

tụng này thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng và thông báo cho Trung tâm hoặc Chi nhánh, cho người được trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng đến giai đoạn tố tụng sau mới phát hiện việc phải thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên thì cơ quan tiến hành tố tụng giai đoạn sau thu hồi và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng đã cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng trước đó, cho người được trợ giúp pháp lý và cho Trung tâm hoặc Chi nhánh biết để cử người thay thế. Việc có bảo lưu kết quả tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên này hay không do cơ quan tiến hành tố tụng quyết định, đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính thì do người được trợ giúp pháp lý quyết định và thông báo cho Trung tâm, Chi nhánh biết.

e) Khi đang tham gia tố tụng mà Trợ giúp viên pháp lý bị thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên bị thu hồi thẻ Luật sư hoặc thẻ Cộng tác viên hay bị thay đổi theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý, thì Trung tâm hoặc Chi nhánh phải thông báo ngay bằng văn bản cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

biết để thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng, đồng thời cử người khác thay thế.

f) Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên đã được Trung tâm hoặc Chi nhánh cử tham gia tố tụng mà bị thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng hoặc bị thu hồi thẻ hoặc bị thay đổi thì các hoạt động tham gia tố tụng trong vụ việc trợ giúp pháp lý bị chấm dứt từ thời điểm bị thu hồi hoặc bị thay đổi.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN CỦA TỐ TỤNG (KHOẢN 3 ĐIỀU 21, ĐIỀU 29, ĐIỀU 39, KHOẢN 3 ĐIỀU 43 LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ)

1. Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm:

a) Kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý, bảo đảm người được trợ giúp pháp lý có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý và Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP;

b) Cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng theo đúng quy định của Luật trợ giúp pháp lý. Trong các trường hợp mà pháp luật quy

định phải thay thế Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên thì Trung tâm, Chi nhánh phải cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên khác thay thế trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì phải thông báo ngay cho cơ quan tiến hành tố tụng;

c) Nghiệm thu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý và chi trả bồi dưỡng cho Luật sư cộng tác viên, phụ cấp cho Trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo quy định hiện hành; giải quyết các khiếu nại của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên theo thẩm quyền;

d) Trung tâm, Chi nhánh phối hợp với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, người tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trợ giúp pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên trong việc bảo đảm tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và quy định của pháp luật tố tụng.

2. Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư cộng tác viên có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi

tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý;

b) Khi tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư cộng tác viên có các quyền và nghĩa vụ như của người bào chữa, người đại diện hoặc người bảo vệ quyền lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật tố tụng;

c) Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp: nếu thuộc một trong các trường hợp đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó; là người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó; đã tham gia trong vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định hoặc người phiên dịch hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Trợ giúp pháp lý;

d) Trong quá trình tham gia tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên nếu phát hiện người tiến hành tố tụng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây phiền hà, cản trở họ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng và đồng thời báo cáo về Trung tâm, Chi nhánh.



3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm:

a) Cấp các quyết định tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên đã tham gia tố tụng trong vụ án đó, cụ thể như sau:

Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, cấp các quyết định tố tụng theo quy định cho người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự, cụ thể là: kết luận điều tra, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ vụ án, bản sao bản án, thông báo về việc kháng nghị (nếu có), quyết định kháng nghị (nếu có), quyết định phúc thẩm của Tòa án;

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính, cấp các quyết định tố tụng theo quy định cho người đại diện hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, cụ thể là: biên bản hòa giải thành, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định giải quyết việc dân sự; quyết định thỏa thuận về việc giải quyết vụ án hành chính; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ vụ án, bản sao bản án, thông báo

về việc kháng nghị (nếu có), quyết định kháng nghị (nếu có), quyết định phúc thẩm của Tòa án;

b) Tòa án thông báo lịch xét xử cho Trung tâm, Chi nhánh và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được cử tham gia tố tụng đối với những vụ việc Trung tâm, Chi nhánh cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng; ghi rõ trong bản án, quyết định tên của Trợ giúp viên pháp lý hoặc tên của Luật sư cộng tác viên do Trung tâm, Chi nhánh cử tham gia tố tụng; ghi rõ ý kiến hoặc quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên khi bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý trong bản án, quyết định của Tòa án;

c) Bảo đảm cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên khi tham gia tố tụng theo Điều 29 Luật trợ giúp pháp lý thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo quy định của pháp luật tố tụng; xác nhận về thời gian mà Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên làm việc, nghiên cứu hồ sơ tại cơ quan mình;

d) Trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên có hành vi vi phạm pháp luật thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho Trung tâm, Chi nhánh để kịp thời xử lý theo thẩm quyền và thay thế người tham gia tố tụng.

4. Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ có trách nhiệm bố trí cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên tiếp xúc với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật tố tụng về tạm giữ, tạm giam; xác nhận về thời gian Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên tiếp xúc với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm quán triệt và chỉ đạo các đơn vị có liên quan do mình quản lý trong việc triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động

tố tụng ở Trung ương để giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hội đồng phối hợp liên ngành ở cấp tỉnh để giúp Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở để thống nhất chỉ đạo công tác phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng có hiệu quả, cụ thể như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương sau khi có ý kiến thống nhất về nhân sự của liên ngành ở Trung ương. Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương gồm Thứ trưởng các Bộ: Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp. Chủ tịch Hội đồng do lãnh đạo Bộ Tư pháp đảm nhiệm. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Bộ Tư pháp là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Giúp việc cho Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương gồm có lãnh đạo các

đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính.

Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương có nhiệm vụ giúp lãnh đạo liên ngành nghiên cứu, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác trợ giúp pháp lý trong tổ tụng; thống kê và báo cáo các vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; đề ra các biện pháp cần thiết để giải quyết các vấn đề trong công tác phối hợp và tăng cường sự phối hợp trợ giúp pháp lý có hiệu quả trong tố tụng; định kỳ sơ kết, tổng kết hàng năm để đánh giá về việc thực hiện Thông tư này; đề xuất khen thưởng và xử lý những trường hợp vi phạm; giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động phối hợp.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp sau khi có ý kiến thống nhất của lãnh đạo liên ngành ở địa phương. Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng cấp tỉnh gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Tư pháp, Công an, Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án

nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý và do Giám đốc Sở Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Sở Tư pháp là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Hội đồng phối hợp liên ngành cấp tỉnh có trách nhiệm giúp lãnh đạo các ngành ở cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh ở địa phương; tổ chức định kỳ đánh giá về chất lượng tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư cộng tác viên, về hoạt động cộng tác viên trợ giúp pháp lý là cán bộ, công chức, viên chức của các ngành; thống kê và báo cáo các vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo lãnh đạo các ngành, Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương hàng năm về việc thực hiện Thông tư.

Giúp việc cho Hội đồng phối hợp liên ngành cấp tỉnh gồm có lãnh đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, đại diện cấp Phòng của các cơ quan: Công an, Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở.

3. Kinh phí phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng được dự toán chung trong kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm của mỗi ngành. Kinh phí chi trả phụ cấp cho Trợ giúp viên pháp lý, bồi dưỡng cho Luật sư cộng tác viên do Trung tâm, Chi nhánh thực hiện theo quy định hiện hành. Kinh phí sơ kết, tổng kết chung về việc phối hợp ở địa phương, đặt Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, Hộp tin trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật và các tài liệu khác có liên quan được dự toán trong kinh phí ngân sách hàng năm của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Kinh phí sao chụp tài liệu, sơ kết, tổng kết, đánh giá phối hợp ở Trung ương và địa phương của từng ngành được dự toán trong kinh phí ngân sách hàng năm của ngành đó.

## V. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các đơn vị trực thuộc liên ngành trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc cần phải giải đáp hoặc hướng dẫn thống nhất thêm thì phản ánh kịp thời với liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ QUỐC PHÒNG  
THỨ TRƯỞNG

Phan Trung Kiên

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ CÔNG AN  
THỨ TRƯỞNG

Lê Thế Tiệm

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ TƯ PHÁP  
THỨ TRƯỞNG

Đinh Trung Tụng

KT. VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN  
DÂN TỐI CAO  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dương Thanh Biểu

KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN  
NHÂN DÂN TỐI CAO  
PHÓ CHÁNH ÁN

Đặng Quang Phương

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ TÀI CHÍNH  
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá